

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁP LUẬT

■ BÙI THỊ NGỌC MAI (*)

Trong phần "Bộc bạch đôi lời" cuốn *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, tác giả Vũ Đình Hoè đã viết: "Tôi mạo muội nghĩ rằng Bác Hồ quả là một Chủ tịch Chính phủ và Chủ tịch nước xưa nay hiếm: Người có một tư duy pháp lý nhạy bén tuyệt vời, gần như thiên bẩm, hiểu thấu và thi hành một cách sáng tạo lý luận và thực tiễn chế độ Nhà nước - Pháp quyền của thời đại và của thế giới văn minh". Lời nói đó đã phần nào nói lên giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước, pháp luật. Trong các tài liệu nghiên cứu về Tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay, có rất nhiều tài liệu bàn về tư tưởng của Người về nhà nước (bản chất nhà nước, vấn đề xây dựng nhà nước, thiết chế bộ máy, vấn đề cán bộ, công chức...). Trong khi đó, những nội dung bàn về tư tưởng của Người về pháp luật lại không được phong phú như vậy. Sau đây xin khái quát một số nét của tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật.

1. Pháp luật có vai trò hết sức quan trọng trong quản lý nhà nước và xã hội

Chủ tịch Hồ Chí Minh ý thức rất sớm về tầm quan trọng của Hiến pháp và pháp luật trong quản lý nhà nước và xã hội. Ngay từ năm 1919, trong bản "Yêu sách của nhân dân An Nam" gửi tới Hội nghị Versaille, Nguyễn Ái Quốc đã yêu cầu phải "thay thế chế độ ra sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật". Đến năm 1922, Người đã khái quát, thể hiện quan điểm của mình trong bài "Việt Nam yêu cầu ca": "Bây xin Hiến pháp ban hành/Trăm điều phải có thần linh

pháp quyền". Có ý kiến cho rằng hai câu thơ lục bát nói về yêu sách thứ 7 này không chỉ chuyển thể thành công nội dung thực chất của một yêu sách chính trị mà còn nâng cao rõ rệt nội dung yêu sách thành: đòi ban hành Hiến pháp. Hiến pháp là luật nhưng là luật cơ bản của một nước, tạo rường cột, cơ sở pháp lý cơ bản cho toàn xã hội, định hình chế định cơ bản quyền con người, quyền công dân. Xa hơn nữa, Nguyễn Ái Quốc còn chỉ ra cốt lõi, tinh túy của một nhà nước pháp quyền chính là ở chỗ đưa tinh thần thượng tôn pháp luật mà trước hết là thượng tôn Hiến pháp vào lĩnh vực quản lý xã hội. Tinh thần cao cả ấy, thật tuyệt vời lại được Người diễn đạt một cách rất độc đáo, xưa nay chưa từng thấy: thần linh pháp quyền. Có thể nói, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra được một cách thể hiện độc đáo để nói lên ý nghĩa thiêng liêng, tôn quý của Hiến pháp và pháp luật mà lại rất gần gũi, dễ cảm nhận, tiếp thu, dễ nhớ, dễ thuộc để làm theo.

Tư tưởng về một Hiến pháp dân chủ làm nền tảng cho một nhà nước dân chủ và thượng tôn pháp luật đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẩn trương thực hiện ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công. Với sự ra đời của Hiến pháp năm 1946, tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước dân chủ và pháp quyền, về một nền pháp luật của dân, do dân và vì dân đã trở thành hiện thực.

2. Pháp luật tạo dựng và bảo vệ kỷ cương

Bên cạnh tư tưởng đề cao pháp luật trong quản lý nhà nước và xã hội, tư tưởng về pháp chế cách mạng, pháp chế xã hội chủ nghĩa thể hiện rõ nét trong tư tưởng Hồ Chí Minh, mặc dù thuật ngữ đó không được sử dụng trong Hiến

(*) Viện Nghiên cứu Khoa học hành chính,
Học viện Hành chính

pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959. Tư tưởng đó thể hiện ở chỗ, tại Mục A, chương II Hiến pháp năm 1946 dành 2 điều quy định nghĩa vụ của công dân, thì nghĩa vụ tôn trọng Hiến pháp, tuân theo pháp luật được đặt ra ngay sau nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Hiến pháp năm 1959 thể hiện điều đó rõ nét và đầy đủ hơn khi quy định: "Tất cả nhân viên cơ quan nhà nước đều phải... tuân theo Hiến pháp và pháp luật...; Nhà nước chiếu theo pháp luật bảo hộ quyền sở hữu về đất đai... về tư liệu sản xuất... của nông dân, người lao động riêng lẻ, tư sản dân tộc; công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật, kỷ luật lao động, trật tự công cộng và những quy tắc sinh hoạt công cộng".

Ngoài ra, tư tưởng về một nền pháp chế cách mạng, dân chủ được thể hiện trong những bài viết, bài nói chuyện, thư gửi của Người tại các hội nghị của các ngành, các cấp. Thí dụ, trong bài viết về đạo đức công dân, tiêu chuẩn đầu tiên mà người nêu ra là: "tuân thủ pháp luật của nhà nước". Những điều đó còn nguyên tính thời sự cho đến ngày nay, khi chúng ta đang xây dựng một nhà nước pháp quyền, đòi hỏi mọi công dân đều phải tuân thủ pháp luật một cách nghiêm minh và đặt pháp luật lên trên hết.

3. Pháp luật có tính dân tộc

Ngay từ khi ra đi tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có định hướng cho một kiểu hiến chính dân tộc, dân chủ ở Việt Nam, theo kiểu Việt Nam. Những năm bôn ba ở nước ngoài, rồi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, người chiến sỹ cộng sản Nguyễn Ái Quốc, tuy coi mình là một học trò trung thành của Lê-nin, nhưng vẫn suy nghĩ để định hướng cho một kiểu hiến pháp thích hợp với xã hội và con người Việt Nam, chứ không nhất thiết theo kiểu Cộng hoà Xô-Viết. Hiến chính Hồ Chí Minh mà cách mạng Tháng Tám xác nhận và thực thi bằng Tuyên ngôn Độc lập và Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, là một Hiến chính dân tộc dân chủ mang đậm nét sắc thái đất nước và con người Việt Nam. Cũng là dân chủ, nhưng dân chủ ở Việt Nam là hết sức rộng rãi, chưa từng thấy trong lịch sử. Điều 1, Hiến pháp năm 1946 quy định: "Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai

cấp, tôn giáo". Đặc biệt, tiêu biểu nhất là chế độ phổ thông đầu phiếu. Phổ thông đến cực độ. Mọi công dân đều đi bầu. Không loại trừ ai. Không cần điều kiện gì. Không biết đọc biết viết cũng không hề gì. Điều đó chỉ có ở tư tưởng Hồ Chí Minh, mà xuất phát từ cái bất biến trong tư tưởng hiến chính của Người: "Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".

4. Pháp luật phải dân chủ, nhân văn, vì con người

Trong việc xây dựng hệ thống pháp luật, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng tính nhân văn. Với Người, pháp luật là do con người và vì con người, không theo kiểu pháp luật độc tôn. Trong tư tưởng của Người, bao giờ cũng chú ý tới tính hài hoà, giải quyết mối quan hệ giữa người với người, giữa người với công việc trên nền tảng có lý, có tình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện một hệ thống quan điểm rõ ràng, nhất quán về việc xây dựng hiến pháp vì con người. Trong bản "Yêu sách của nhân dân An Nam" gửi tới Hội nghị Versaille, Nguyễn Ái Quốc đã yêu cầu phải để cho nhân dân An Nam có quyền tự do ngôn luận, tự do lập hội và hội họp, tự do giáo dục. Mấy năm sau, trong thư "Nhờ hô hoán gửi Hội Vạn quốc", Nguyễn Ái Quốc một lần nữa đề nghị: "Nếu được độc lập ngay thì nước chúng tôi... sắp đặt một bản Hiến pháp về phương diện chính trị và xã hội theo những lý tưởng dân quyền". Khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Chủ tịch Hồ Chí Minh viện dẫn Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ năm 1776 và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1789 để khẳng định: "Tất cả các dân tộc trên thế giới sinh ra đều bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do". Đây là tư tưởng về quyền con người và hơn nữa, đó là quyền con người gắn bó với quyền của cả quốc gia, dân tộc.

Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, pháp luật là cơ sở thực hiện quyền dân chủ. Tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ cách mạng lâm thời (3/9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra nhiệm vụ phải ban hành Hiến pháp cho Nhà nước dân chủ mới và xem đó là một trong 6 nhiệm vụ cấp bách của chính quyền nhà nước

non trẻ. Tại *Lễ tuyên thệ* cho các Thẩm phán mới, tổ chức long trọng ở "Lâu đài công lý" (Palais de justice), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tỏ rõ quan điểm về một nền tư pháp vì dân trong lời căn dặn: "Thẩm phán của nước Việt Nam mới, xét xử là phải phục vụ nhân dân, chứ không phải đèn trời soi xét". Người đã nêu cao tác phong *gần dân, vì dân*, xác định điều đó như lý tưởng, mục tiêu duy nhất của người cán bộ tư pháp.

Như vậy, trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, pháp luật sinh ra không vì một cái gì khác hơn là vì dân. Việc đưa tư tưởng lập hiến và pháp quyền dân chủ vào cuộc vận động giải phóng dân tộc ở Việt Nam là đóng góp vô cùng quý báu và to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Pháp lý dân chủ và nhân đạo, mang tính người và tình người là yêu cầu mới nhất của trào lưu tiến bộ trên thế giới hiện nay.

5. Pháp luật đi đôi với đạo đức nhân nghĩa

Chủ tịch Hồ Chí Minh không phải là người nặng về "đức trị", coi nhẹ "pháp trị", mà là người kết hợp chặt chẽ đức trị và pháp trị. Cùng với việc nêu cao vai trò của đạo đức cách mạng, Bác Hồ không quên vai trò quan trọng của pháp luật. Điều đó cắt nghĩa vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh là một con người bao dung, nhân hậu, nhưng cũng rất nghiêm khắc, không bỏ qua, bao che sai lầm, khuyết điểm, luôn đòi hỏi sự bình đẳng trước pháp luật. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Đại tá Trần Dụ Châu khi làm Cục trưởng Cục Quân nhu đã lợi dụng chức vụ, bớt xén phần cơm áo, vốn đã rất kham khổ, thiếu thốn của bộ đội để sống phè phỡn, truy lạc, lãng phí. Vụ án được khởi tố, đưa ra Tòa án quân sự, Trần Dụ Châu bị lãnh án tử hình. Trần Dụ Châu và gia đình kháng án lên Bác Hồ, xin được khoan hồng. Vụ án đã gây cho Bác Hồ một nỗi buồn sâu sắc. Nhưng, đối với loại sâu mọt đục khoét dân, trị một người để cứu muôn người, Bác đã ký lệnh bác đơn chống án của Trần Dụ Châu, dù rất đau lòng. Qua đó, có thể thấy bên cạnh đạo đức, Bác Hồ rất đề cao pháp luật.

Có ai đó đặt câu hỏi: giữa đạo đức và pháp luật, Chủ tịch Hồ Chí Minh trọng đức trị hay pháp trị hơn? Theo tác giả Vũ Đình Hoè, cả đạo đức và pháp luật, đức trị và pháp trị vốn chỉ là một, một căn nguyên, cùng một bản chất trong

tư tưởng Hồ Chí Minh. Ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, đạo đức là gốc, pháp luật là chuẩn. Trong cái nhất thể "đạo đức - pháp luật", xét về cội nguồn thì thiện, đức có trước và là gốc của lệ, luật. Xét về công dụng đối với đời sống xã hội thì đạo đức gây men sống, còn pháp luật là chuẩn, xác định mức độ, phạm vi, phương pháp tác động của men sống ấy chỉ đạo hành động con người và bảo đảm hành động ấy có hiệu quả đối với xã hội. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, pháp luật là tất yếu cần cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, hình thành mọi quan hệ xã hội hợp chuẩn đã định. Cho nên trước Cách mạng Tháng Tám và ngay sau ngày tuyên bố độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghĩ đến, lo việc soạn thảo Hiến pháp và xây dựng hệ thống luật pháp.

Nhưng, gốc có bền thì cây mới đứng được và tươi tốt lên. Đồng thời với việc soạn thảo Hiến pháp, Bác ra lệnh giữ lại mọi luật, lệ cũ còn thích hợp với chế độ mới. Người gửi thư "khẩn cấp" cho các uỷ ban nhân dân, các bộ, tỉnh, huyện, làng (đầu tháng 12/1945) và gửi thư cho đồng bào Bắc Bộ (năm 1947) để răn bảo cán bộ ngoài Đảng, trong Đảng sớm biết tu tỉnh, tẩy rửa mọi thói hư, tật xấu, tư thù, tư oán, cây thê, cây thần, quân phiệt hà hiếp, kể cả hẹp hòi, chuộng hình thức, ích kỷ, hám lợi danh; nghĩa là những điều luân lý thông thường, những yêu cầu sơ đẳng của đạo đức làm người, của cái thiện bẩm sinh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh coi đạo đức và pháp luật là hai mặt không thể tách rời trong người cán bộ pháp lý. "Có phẩm nhân đạo đức vô sản, có phẩm nhân đức nhân của đạo đức thì người cán bộ pháp lý mới làm tốt công tác xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật". Pháp luật đi đôi với đạo đức, xây dựng một nền pháp quyền nhân nghĩa là nét hết sức độc đáo của tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật. Tư tưởng đó có cội rễ hết sức sâu xa từ truyền thống, phẩm nhân đạo lý nhân bản của dân tộc song hành với tư tưởng về pháp lý của thế giới. Đó chính là sự kết tụ tinh hoa của dân tộc với những giá trị thời đại trong một con người Hồ Chí Minh.

6. Pháp luật phải có các điều kiện đảm bảo để thực thi

Đề cao vai trò của pháp luật, Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng thời hết sức quan tâm đến vấn

để làm thế nào để pháp luật được thực thi. Người cho rằng trước hết, pháp luật phải đầy đủ, chính xác. Sau đó, pháp luật phải đến được với người dân, làm cho dân hiểu rõ pháp luật để sống và làm theo pháp luật. Người nói: "Một nhà nước vững mạnh, có hiệu lực phải là một nhà nước làm cho mọi người dân biết sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước pháp quyền chỉ phát huy hiệu lực của mình khi nó biết kết hợp giáo dục đạo đức và pháp luật trong quản lý xã hội và nhà nước". Cuối cùng, Người yêu cầu người thi hành pháp luật phải công tâm, minh bạch, nghiêm minh. Cũng trong *Lễ tuyên thệ* cho các Thẩm phán mới, Người nhắc nhở: "Thẩm phán của nước Việt Nam mới, phải *"chí công vô tư"*, không được để cho nèn bạc đâm toạc tờ giấy". Người đã nêu cao đức *thanh liêm*, đề cao hai chữ "công tâm" của người cán bộ tư pháp và yêu cầu không để lợi ích cá nhân làm mờ mắt mà làm sai pháp luật.

Có thể nói, tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật là tổng hợp các quan điểm về một nền pháp luật có vai trò hết sức quan trọng trong quản lý nhà nước và xã hội, một nền pháp luật dân chủ, vì con người, gắn liền với đạo đức, mang tính dân tộc và cần có các điều kiện đảm bảo để thực thi.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, càng thấy rõ hơn tầm vóc của một nhà tư tưởng lớn. 40 năm Bác đi xa nhưng những tư tưởng Người để lại cho chúng ta hôm nay, trong đó có tư tưởng về pháp luật, vẫn còn nguyên những giá trị mang tầm thời đại □

Tài liệu tham khảo:

1. *Chí Công*, Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh, *Báo Pháp luật Việt Nam*, ngày 19/5/2005.
2. *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 1, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia*, 1995.
3. *Tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, *Báo Pháp luật Việt Nam*, ngày 19/5/2005.
4. *Vũ Đình Hoè*, Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh, *Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin - Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây*, 2001.

VỀ ĐÀO TẠO GIÁM ĐỐC ...

(Tiếp theo trang 14)

nghiệp; đề xuất được các quan điểm, phương hướng, các phương pháp và biện pháp giải quyết những tồn tại trong thực tiễn theo quan điểm chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; có hiệu quả kinh tế và khả thi trong điều kiện nước ta. Trong quá trình phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp, cần sử dụng các mô hình định lượng thích hợp.

Để bảo đảm chất lượng đào tạo, báo cáo tốt nghiệp được bảo vệ tại hội đồng cấp nhà nước. Nếu bảo vệ thành công, học viên được cấp chứng chỉ về quản trị kinh doanh dành cho giám đốc và được trọng dụng hoặc ưu đãi khi dự thi tuyển giám đốc theo nhu cầu của doanh nghiệp nhà nước. Đào tạo nghề giám đốc là một nghề được xác định rất mới, quá trình gồm nhiều công đoạn, do nhiều cơ quan đảm nhận cần phải được tổ chức thi điểm để khi thực hiện chung đạt hiệu quả. Trước mắt cần có sự chỉ đạo thống nhất chặt chẽ của Nhà nước trên cơ sở một đề án thống nhất. Cần có cơ quan cấp bộ chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan và chịu trách nhiệm trước Nhà nước về mục tiêu, chương trình đào tạo, xây dựng nội dung giảng dạy gắn với việc đào tạo nghề giám đốc... Cần xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp ở các trường, các cơ sở doanh nghiệp làm nơi thực tập kỹ năng. Ở giai đoạn rèn luyện, thử thách tại các doanh nghiệp thì cơ quan tổ chức nhân sự nhà nước và cơ quan sử dụng cán bộ cần có kế hoạch và sự phối hợp chặt chẽ trong việc bố trí, điều động, sử dụng hay cho đi đào tạo và đào tạo lại.

Trên đây là một số suy nghĩ về việc đào tạo giám đốc doanh nghiệp nhà nước trên cơ sở nhà nước sớm ban hành quy chế đào tạo và sử dụng cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước, có như vậy chúng ta mới tạo dựng được một lớp cán bộ quản lý doanh nghiệp đủ năng lực, góp phần thực hiện thành công những mục tiêu kinh tế đã được Đảng và Nhà nước đề ra, phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh □